

Số 65/2022/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 29 tháng 12 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 102/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Minh N - sinh năm 1992.

Nơi đăng ký HKTT: thôn NX, xã VX, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: thôn L, xã HĐ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bị đơn: Anh Cao Văn H - sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn NX, xã VX, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cao Ngọc Tường V, sinh ngày 17/3/2022 (cháu Tường V đang ở cùng với mẹ, tại: thôn L, xã HĐ, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Cao Ngọc Tường V: Chị Đỗ Thị Minh N và anh Cao Văn H.

- Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và H giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị Minh N và Anh Cao Văn H.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chị Đỗ Thị Minh N và anh Cao Văn H đều nhất

trí tự nguyện ly hôn.

2/ Về con chung: Chị N và anh H xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Cao Ngọc Tường V, sinh ngày 17/3/2022. Chị N và anh H thống nhất, thỏa thuận giao cháu Tường V cho chị N được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền là 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Tường V đến tuổi thành niên. Thời điểm cấp dưỡng kể từ ngày 01/01/2023 cho đến khi cháu V đến tuổi thành niên. Anh H được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, chị N không có quyền ngăn cản.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà người phải thi hành án không thi hành thì người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7,9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3/ Về tài sản chung: Chị N và anh H đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí: Chị N và anh H thống nhất để chị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị N phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị N đã nộp đủ án phí theo biên lai thu số 0002710 ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THAHS);
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã VX (GCNKH số 36 ngày 17/9/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thành Long

